

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 08/7/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Ông Phạm Trường Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2021/HNGĐ-ST, ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2021/QĐ-PT, ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư P – Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Bị đơn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị N trình bày:

Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T ngày 21/6/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 25. Sau khi kết hôn, chị N và anh T sinh

sống tại ấp P, xã H, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên gây cãi dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh T trình bày:*

Anh T và chị N do quen biết nên tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/6/2019. Sau lễ cưới, vợ chồng cùng nhau đi làm ở Malaysia được một thời gian thì mẹ ruột của anh T bị bệnh nên chị N trở về Việt Nam chăm sóc, anh T vẫn làm việc ở Malaysia. Thời gian anh T ở Malaysia, chị N ở Việt Nam có điện thoại qua lại nhưng thường cự cãi qua lại.

Đến ngày 13/11/2020, anh T về Việt Nam nhưng do tình hình dịch bệnh nên cách ly hết 14 ngày. Đến ngày 28/11/2020, hết thời gian cách ly thì anh T về nhà gặp chị N và vợ chồng có lời qua tiếng lại do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên anh T có đánh chị N. Đến trưa ngày 29/11/2020, chị N nói với anh T là đi thi nghề thẩm mỹ, nhưng sau đó thì chị N bỏ đi không có trở về nhà, anh T không có liên lạc được với chị N và cũng không biết chị ở đâu và từ thời gian đó vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay không có gặp lại. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không có con chung.

Qua yêu cầu khởi kiện của chị N thì anh T không đồng ý ly hôn, vì hiện tại anh còn thương vợ, nên mong muốn đoàn tụ trở lại để xây dựng hạnh phúc gia đình. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N.

1. Về hôn nhân: Cho nguyên đơn chị N được ly hôn với bị đơn anh T.
2. Về con chung: Không có, nên không giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/4/2021, bị đơn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

kháng cáo.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, vì trong quá trình chung sống do trong lúc cự cãi anh T có đánh chị N và phát sinh nhiều mâu thuẫn khác nên từ tháng 11/2020, chị N về sống với cha, mẹ ruột cho đến nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn kháng cáo thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Riêng các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn với nguyên đơn chị N, vì theo anh T biết được chị N đang mang thai là con chung của anh, chị tính đến nay được khoảng 08 tháng nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại để sau này con có đủ cha, mẹ và cùng nhau chăm sóc con chung.

Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và trong lúc xảy ra tranh cãi, anh T có đánh chị N dẫn đến chị N bỏ nhà đi và không liên lạc được. Thời gian gần đây, anh có liên lạc được với chị N để hàn gắn lại tình cảm nhưng chị N chỉ trả lời để suy nghĩ lại. Lẽ ra, về tình nghĩa vợ chồng thì anh T và chị N phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế cho thấy, anh T và chị N hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T cho rằng hiện nay chị N đang mang thai khoảng 08 tháng là con chung nên không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ lại để chăm lo cho con sau này. Tuy nhiên, đây không phải nguyên nhân chính để dẫn đến chị N yêu cầu ly hôn mà do anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T cũng như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N.

Chị N được ly hôn với anh T.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006851 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp thêm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa